TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày**:** 24-11-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Xuân

Ông Bùi Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/10/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Lương L, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm H trình bày:

Bà và ông Lương L chung sống với nhau như vợ chồng, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 06/12/2019 dương lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông L không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Thời gian đầu bà và ông L chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì bà và ông L bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung, ông L ăn chơi không sửa đổi, thường

xuyên cự cãi, bà và ông L đã ly thân với nhau từ ngày 09/11/2021 đến nay, hiện nay được biết ông L có mối quan hệ tình cảm với người khác, bà nhận thấy đã hết tình cảm với ông L, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Do đó, bà có yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm công nhận bà và ông Lương L không phải là vợ chồng. Còn về con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2/ Bị đơn ông Lương L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn ông L không đến Tòa án tham gia cũng không thể hiện ý kiến.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị tuyên bố bà Phạm H và ông Lương L không phải là vợ chồng. Về con chung, nợ chung, tài sản chung theo bà H trình bày đều không có, cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lương L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm H và ông Lương L sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 06/12/2019 dương lịch, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận.

[3] Mặc dù bà Phạm H và ông Lương L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của người Việt Nam. Trong khoảng thời gian sống chung thì bà H và ông L cũng đã tính đến việc đăng ký kết hôn nếu như hai người có con chung. Lẽ ra, sau khi được tổ chức đám cưới, bà H và ông L sống chung với nhau như vợ chồng thì ông bà phải lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Theo bà H

trình bày giữa bà H và ông L thường xuyên cự cãi, ông L ăn chơi không sửa đổi, hiện nay được biết ông L có mối quan hệ tình cảm với người khác, cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu lẫn nhau, cuộc sống không hòa hợp, không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên bà và ông L đã sống ly thân với nhau từ ngày 09/11/2021 cho đến nay. Còn ông L thì đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của bà H cũng không thể hiện ý kiến gì. Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày bà H và ông L đã không có sự thông cảm cho nhau, không còn sự tin tưởng, yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau như vợ chồng nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ ngày 09/11/2021 đến nay mà không ai có suy nghĩ để giải quyết mâu thuẫn đã xuất hiện trong đời sống hôn nhân. Nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Xét thấy, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của bà H và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà H và ông L là vợ chồng.

[4] Con chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Ông Lương L không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Phạm H và ông Lương L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002689 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà H đã thực hiện xong tiền án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng